

Bản án số: 377/2017/DS - ST

Ngày: 04 tháng 8 năm 2017

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm, Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Giang, Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp H đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1949; địa chỉ: 303/56A đường B, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1966 (có mặt); địa chỉ liên hệ: 384/11 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 06 tháng 12 năm 2016).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1955; địa chỉ: 28 đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2016 bà Phan Thị Thu T trình bày: Bà Phan Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Minh H đều kinh doanh tại Trung tâm Thương mại - Dịch vụ A. Do nhu cầu chi tiêu cho gia đình và buôn bán nên ngày 04 tháng 02 năm 2016 bà Nguyễn Thị Minh H có vay của bà Phan Thị Thu T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, kỳ hạn từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 04 tháng 02 năm 2017. Theo thỏa thuận đầu tháng từ ngày 01 đến ngày 05, bà H sẽ trả cho bà T 3.000.000 đồng tiền lãi. Nếu hai tháng liên tiếp bà H không trả tiền lãi như thỏa thuận thì bà T có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Theo H đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2016, thì bắt đầu ngày 04 tháng 02 năm 2017 mỗi tháng bà H phải trả cho bà T số tiền 9.000.000 đồng cho đến khi trả đủ số tiền vốn vay 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2016, sau khi ký H đồng vay tiền đến nay, bà H chưa trả cho bà T bất kỳ khoản tiền nào như hai bên thỏa thuận.

Nay, bà Phan Thị Thu T yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh H trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi nợ phát sinh từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 54.000.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Huy T người đại diện H pháp của bà Phan Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Minh H trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi nợ phát sinh từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 54.000.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố. Đồng thời, ông Trung xác định tiền cho bà H vay là tài sản riêng của bà T và chỉ yêu cầu một mình bà H trả tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa H lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, bà Phan Thị Thu T (gọi là nguyên đơn) có đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh H (gọi là bị đơn) trả số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp H đồng vay tài sản phù hợp tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, bị đơn có địa chỉ cư trú tại 28 đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2016 thì nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng và thỏa thuận bị đơn phải trả kỳ cuối vào ngày 04 tháng 02 năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nguyên đơn đã có thông báo bằng văn bản yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 300.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 54.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2016 thì giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố. Như vậy, khi hai bên thực hiện hợp đồng vay tiền thì có thỏa thuận lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là có căn, nên chấp nhận.

[6] Tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 54.000.000 đồng từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 18 tháng, được tính theo lãi suất 1%/tháng (tương đương 12%/năm) trên số nợ gốc 300.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là phù H tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ, nên chấp nhận.

[7] Bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về tiền nợ gốc và tiền lãi nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 354.000.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng, tiền lãi: 54.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Thu T số tiền 354.000.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu đồng), trong đó bao gồm: tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.700.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2016/0011825 ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết H lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục THA dân sự quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Võ Tuấn Nhu